

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
Tỉnh Hậu Giang**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/DS-ST
Ngày: 03-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh
2. Bà Trần Thị Kim Thắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huyền T** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61A/2024/QĐXX-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Kim C**, sinh năm 1979

Địa chỉ: **Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang**. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Đặng Dương T1**, sinh năm 1984

Địa chỉ: **Ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà **Đặng Thị Kim C** trình bày như sau: Bà và **Đặng Dương T1** là chị em ruột. Từ tháng 10/2021, ông **Đặng Dương T1** nhiều lần ra nhà của bà để mượn tiền tiêu xài, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 01/10/2021, ông **T1** mượn số tiền 130.000.000đồng.

Lần 2: Mượn số tiền 25.000.000đồng.

Lần 3: Mượn 90.000.000đồng.

Lần cuối mượn 50.000.000đồng.

Ngoài ra, ông **T1** còn mượn của bà 01 lượng (10 chỉ) vàng 24k.

Tổng cộng ông **T1** đã mượn của bà 295.000.000đồng và 01 lượng vàng 24k. Sau đó, ông **T1** đã trả được 5.000.000đồng. Ông **T1** hứa sẽ trả đủ nợ cho bà

vào năm 2022, nhưng sau đó ông T1 chuyển nhượng đất được số tiền 500.000.000đồng vẫn không trả nợ cho bà. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu ông Đặng Dương T1 trả cho bà số tiền nợ là 290.000.000đồng và 01 lượng vàng 24k (10 chỉ), bà không yêu cầu ông T1 trả lãi phát sinh.

Quá trình tố tụng bị đơn là ông Đặng Dương T1 đã được Tòa án thông báo về việc bà Đặng Thị Kim C khởi kiện đòi nợ vay. Đồng thời, ông T1 đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T1 về các vấn đề liên quan vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Đặng Thị Kim C vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn Đặng Dương T1 vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 290.000.000đồng và 01 lượng vàng 24k, tương đương 10 chỉ vàng 24k.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là bà Đặng Thị Kim C cho rằng có cho bị đơn là ông Đặng Dương T1 vay tiền, sau đó ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, từ đó phát sinh tranh chấp. Xét đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn là Đặng Dương T1 có nơi cư trú tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Kim C** yêu cầu ông **Đặng Dương T1** trả số tiền nợ 290.000.000đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng) và 01 cây vàng 24k tương đương 10 chỉ vàng 24k.

[3.1] Xét giao dịch vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án một “Giấy mượn tiền” lập ngày 21/8/2023 trong đó bên mượn tiền là ông **Đặng Dương T1**, bên cho mượn là bà **Đặng Thị Kim C**. Cuối “Giấy mượn tiền” có chữ ký và viết tên của ông **Đặng Dương T1**. Số tiền mượn tổng cộng là 295.000.000đồng và 01 cây vàng 24k. Bà **C** xác định ông **T1** đã trả được 5.000.000đồng, còn lại 290.000.000đồng và một cây vàng 24k.

Bị đơn là ông **Đặng Dương T1** dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tự mình từ bỏ quyền phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông **Đặng Dương T1** có mượn của bà **Đặng Thị Kim C** số tiền gốc 295.000.000đồng (hai trăm chín mươi lăm triệu đồng) và một cây vàng 24k như thể hiện trong “Giấy mượn tiền”. Đến nay, ông **T1** đã trả được 5.000.000đồng (năm triệu đồng), còn nợ lại 290.000.000đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng) và một cây vàng 24k.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bị đơn là ông **Đặng Dương T1** phải trả cho nguyên đơn là bà **Đặng Thị Kim C** số tiền nợ là 290.000.000đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng) và một cây vàng 24k. Bà **C** không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử xét căn cứ khoản 2, khoản 7, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bị đơn là ông **Đặng Dương T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền bằng 5% giá trị khoản vay. Cụ thể: $[290.000.000\text{đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng)} + (10 \text{ chỉ vàng } 24k \times 7.200.000\text{đồng})] \times 5\% = 18.100.000\text{đồng (mười tám triệu một trăm ngàn đồng)}$.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2, khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà **Đặng Thị Kim C** đối với bị đơn là ông **Đặng Dương T1** về việc đòi nợ vay.

Buộc ông **Đặng Dương T1** có nghĩa vụ phải trả cho bà **Đặng Thị Kim C** số tiền nợ là 290.000.000đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng) và 10 (mười) chỉ vàng 24k.

Kể từ ngày bà **Đặng Thị Kim C** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông **Đặng Dương T1** chậm trả số tiền 290.000.000đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng) nêu trên thì ông **Đặng Dương T1** có nghĩa vụ trả lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được tính theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông **Đặng Dương T1** phải chịu 18.100.000đồng (mười tám triệu một trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Đặng Thị Kim C** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.500.000đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004171 ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. Nguyên đơn bà **Đặng Thị Kim C** và bị đơn ông **Đặng Dương T1** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Chúc Linh